

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03-7-2020

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Tấn Nga.

Ông Phạm Thanh Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 28/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 về “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1987 (có mặt).

HKTT: Ấp C, xã T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở: Ấp A, xã T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Đàm Văn B**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

HKTT: Ấp C, xã T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở: Ấp A, xã T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/02/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H trình bày:

Bà và ông B tự nguyện chung sống với nhau, có 02 người con chung tên Đàm

Khắc N, sinh ngày 27/10/2006 và Đàm Thị Tuyết T, sinh ngày 20/4/2005. Đến ngày 19/9/2009 làm thủ tục đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do ông B thường xuyên cờ bạc, rượu chè không quan tâm, chăm sóc gia đình nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cự cãi dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà yêu cầu được ly hôn với ông B và được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đàm Văn B vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết Tòa án ghi lời khai ông B có ý kiến:

Ông không đồng ý ly hôn, vợ muốn làm gì thì làm ông không ý kiến. Con sống với cha hay mẹ thì tự nuôi không phải cấp dưỡng theo nguyện vọng của con, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử cho bà H được ly hôn với ông B và giao cho bà H được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung do không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Đàm Văn B có nơi cư trú tại huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập hợp lệ cho bị đơn nhưng cả hai lần mở phiên tòa đều vắng mặt không lý do, nguyên đơn và Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn. Theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thấy đề nghị của nguyên đơn và Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà H và ông B tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2004, đến ngày 19/9/2009 thì đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn (bl 09). Sau khi xem xét các điều kiện kết hôn, đủ cơ sở xác định hôn nhân của bà H và ông B là hợp pháp. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*” nên bà H có quyền khởi kiện yêu

cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông B. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng theo lời trình bày của bà H và kết quả xác minh ngày 05/6/2020 (bl 49) thì hôn nhân của hai người không hạnh phúc do thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ với nhau. Mặc dù bị đơn không đồng ý ly hôn (bl 48) nhưng khi Tòa án thông báo triệu tập hòa giải thì cả 02 lần đều vắng mặt, không cho thấy thiện chí hòa giải và hàn gắn hôn nhân. Từ những phân tích trên, cho thấy đời sống chung của bà H và ông B không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt, trong khi bà H kiên quyết ly hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với ông B.

[3] Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 284 ngày 19/9/2009 và trích lục khai sinh số 1099 ngày 06/12/2019 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng (bút lục 07-08), ông B và bà H có hai người con chung là Đàm Khắc N, sinh ngày 27/10/2006 và Đàm Thị Tuyết T, sinh ngày 20/4/2005. Ông B không tranh chấp về con chung, các con có nguyện vọng được sống với mẹ (bút lục 28-29), Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho bà H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giành quyền thăm nom con chung cho ông B theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Về việc bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của đương sự, do đó Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông B.

[4] Tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản và cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh Trị là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc H được ly hôn với ông Đàm Văn B.

- Về con chung: Giao con chung tên Đàm Khắc N, sinh ngày 27/10/2006 và Đàm Thị Tuyết T, sinh ngày 20/4/2005 cho bà Nguyễn Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông Đàm Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đàm Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông B thực hiện quyền này.

- Tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản và cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009942 ngày 05/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, bà H đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Thị Thanh Mai